

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06-01-2023
V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Ngọc Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sol

2. Ông Nguyễn Quốc Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Chí Thêm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 533/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 270/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Dương Thị Ph**, sinh năm 1974 (Có mặt).

Nơi ĐKKHKT: Ấp C, xã Ph, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Khóm C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông **Phạm Văn H**, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã Ph, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 04/10/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Dương Thị Ph trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Phạm Văn H chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1996, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu bà và ông H chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2017 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn và bất đồng quan điểm, bà cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần nhưng không thành, cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông H không thể tiếp tục được

nữa, bà và ông H đã sống ly thân từ khoảng năm 2017 cho đến nay. Nay xét thấy, hôn nhân giữa bà và ông H không còn hạnh phúc và không thể tiếp tục được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Văn H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà và ông Phạm Văn H có ba người con chung tên: Phạm Thị Nh, sinh năm 1998; Phạm Thị B, sinh năm 1999 và Phạm Thị Nh1, sinh ngày 27/11/2006. Sau khi ly hôn, đối với cháu Phạm Thị Nh và cháu Phạm Thị B đã trưởng thành và đã lập gia đình, không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; riêng cháu Phạm Thị Nh1 đang sống cùng với bà, sau khi ly hôn bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nh1 hoặc Tòa giải quyết theo nguyện vọng của cháu theo cha hoặc mẹ, bà không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống bà và ông Phạm Văn H có tài sản chung nhưng bà và ông H tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Trong thời gian chung sống bà và ông Phạm Văn H không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng ông bà, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn là ông Phạm Văn H được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà ông H không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu ly hôn của bà Dương Thị Ph. Đồng thời, Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ hai lần thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chỉ có nguyên đơn là bà Dương Thị Ph có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, bị đơn là ông Phạm Văn H vắng mặt không lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được cũng như nghe ý kiến của ông H về yêu cầu ly hôn của bà Ph.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa bà Dương Thị Ph và ông Phạm Văn H là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Xin ly hôn”, bị đơn có nơi cư trú tại ấp C, xã Ph, huyện C, tỉnh Cà Mau nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1

Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn là ông Phạm Văn H vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Ph và ông Phạm Văn H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996 đến nay chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền.

Theo trình bày của bà Dương Thị Ph thì trong thời gian chung sống bà và ông Phạm Văn H thường xảy ra mâu thuẫn và bất đồng quan điểm, bà đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần nhưng không thành, cả hai đã quyết định sống ly thân từ khoảng năm 2017 cho đến nay; nay xét thấy, hôn nhân giữa bà và ông H không còn hạnh phúc và không thể tiếp tục được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Văn H. Đối với ông Phạm Văn H, trong quá trình tố tụng ông H không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà Dương Thị Ph, như vậy ông H đã từ bỏ quyền chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân đối với bà Ph. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà Dương Thị Ph và ông Phạm Văn H không còn, bà Ph cương quyết ly hôn, ông H không có thiện chí hàn gắn, cả hai đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, điều này cho thấy hôn nhân giữa bà Ph và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được; mặt khác, bà Dương Thị Ph và ông Phạm Văn H chung sống với nhau từ năm 1996 đến nay không đăng ký kết hôn nên căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của bà Ph và ông H không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4] Về con chung: Theo trình bày của bà Dương Thị Ph thì trong thời gian chung sống bà Ph và ông Phạm Văn H có ba người con chung tên: Phạm Thị Nh, sinh năm 1998; Phạm Thị B, sinh năm 1999 và Phạm Thị Nh1, sinh ngày 27/11/2006. Xét thấy, cháu Phạm Thị Nh và cháu Phạm Thị B đã trưởng thành, không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình, bà Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông H không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử

không đặt ra xem xét; đối với cháu Phạm Thị Nh1, bà Ph có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc hoặc Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu Nh1, tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Phạm Thị Nh1 ngày 28/11/2022 cháu Nh1 có nguyện vọng được sống cùng cha là ông Phạm Văn H, ông H không có ý kiến gì đối với yêu cầu về nuôi con của bà Ph, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu bà Ph và đồng thời là nguyện vọng của cháu Nh1, giao cháu cháu Nh1 cho ông H nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu Nh1 đủ 18 tuổi.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Dương Thị Ph không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con, ông Phạm Văn H không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Theo trình bày bà Dương Thị Ph thì trong thời gian chung sống có tài sản chung nhưng bà Ph và ông Phạm Văn H tự thỏa thuận, bà Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông H không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ thu, nợ trả: Theo trình bày của bà Dương Thị Ph thì trong thời gian chung sống bà Ph và ông Phạm Văn H không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng ông bà, bà Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông H không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 14, 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Dương Thị Ph và ông Phạm Văn H.

2. Về con chung: Con chung tên Phạm Thị Nh, sinh năm 1998 và Phạm Thị B, sinh năm 1999 đã trưởng thành, không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình, bà Dương Thị Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Giao con chung tên Phạm Thị Nh1, sinh ngày 27/11/2006 cho ông Phạm Văn H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu Nh1 đủ 18 tuổi.

Bà Dương Thị Ph có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của ông Phạm Văn H.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Dương Thị Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung: Bà Dương Thị Ph trình bày có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về nợ thu, nợ trả: Bà Dương Thị Ph trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

6. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Dương Thị Ph phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí bà Ph đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008425 ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Bà Dương Thị Ph có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Văn H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Ph, huyện C, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Ngọc Huyền